

Số: 17 /KH-THCS

Quyết Thắng, ngày 05 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHÀ TRƯỜNG **NĂM HỌC 2025 – 2026**

I. Căn cứ để xây dựng kế hoạch

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 về Tài trợ cho các cơ sở giáo dục;

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường THCS, THPT;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDPT 2018;

Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/7/2017 Thông tư ban hành qui định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Thông tư 17/2019/ TT-BGDĐT ngày 1/11/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở GDPT;

Văn bản hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ về Nghị định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về việc hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 ban hành Danh mục TBDH tối thiểu cấp THCS;

Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ban hành tiêu chuẩn CSVC trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành qui định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 146/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 – 2025;

Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-SGD-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên sở về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi; chính thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Hướng dẫn Liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD &ĐT ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Theo Công văn số 7048/VP-VX ngày 5/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng V/v triển khai thực hiện chính sách BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Theo Công văn số 236/BHXX-QLT&PTNTG ngày 12/8/2025 của BHXH Thành phố Hải Phòng V/v triển khai công tác thu BHYT năm học 2025-2026.

Công văn số 5758/SGDDT-VP ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện công tác bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026.

Công văn số: 6126/SGDDT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026, Công văn số: 462 /UBND-VHXX ngày 05/9/2025 của UBND xã quyết Thắng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Trường THCS Tiên Cường xây dựng kế hoạch thu -chi tài chính trong năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

II. Đặc điểm tình hình

1.Đội ngũ: Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên 27 trong đó:

- Quản lý: 02;
- Giáo viên: Biên chế 21; hợp đồng huyện 01,
- Nhân viên: Biên chế 01; hợp đồng huyện 02

2. Học sinh:

Tổng			Khối 6			Khối 7			Khối 8			Khối 9		
Sĩ số	Nữ	Lớp	Sĩ số	Nữ	Lớp	Sĩ số	Nữ	Lớp	Sĩ số	Nữ	Lớp	Sĩ số	Nữ	Lớp
443	214	12	114	55	3	109	53	3	1119	57	3	101	49	3

3.Cơ sở vật chất: Cơ bản đảm bảo cho việc dạy và học

- Phòng học 12, các phòng học được trang bị tốt máy chiếu, ti vi phục vụ giảng dạy và học tập.

- Phòng học bộ môn 02: Phòng Tiếng Anh nhưng còn thiếu thiết bị; Phòng Tin có 20 máy tính và 01 ti vi (thay cho máy chiếu)

- Phòng hiệu bộ: Hiệu trưởng; phó hiệu trưởng; Hội trường; Giáo viên - Đoàn đội; Thư viện; Y tế; Bảo vệ; Đồ dùng.

- Khó khăn:

- Sân chơi đảm bảo, bãi tập cho học sinh không có.

- Thiết bị đồ dùng hư hỏng nhiều, chưa bổ sung cho lớp 7;8;9 thực hiện

Chương trình 2018;

- Khu nhà 2 tầng phía nam xuống cấp;

- Thiếu nhiều phòng học bộ môn và phòng quản trị chuyên môn.

III. Kế hoạch thu, chi

1. Kế hoạch thu

STT	KHOẢN THU	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9	GHI CHÚ
1	Các khoản thu theo Công văn					
1.1	Tiền học phí (Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn	
1.2	Quỹ Đội (Chờ văn bản hướng dẫn của cấp trên) Kế hoạch Liên ngành số 34KH/LN của huyện đoàn và Phòng GD&ĐT huyện Tiên lãng), ngày 12/9/2023. Số tiền quy đổi: 50 000 đồng/HS/năm	50 000đ/hs/năm	50 000đ/hs/năm	50 000đ/hs/năm	50 000đ/hs/năm	Dự kiến thu
1.3	Tiền BHYT(Thời hạn từ 01/01/2026 đến 31/12/2026) Dự thu: 420 hs* 631.800=265.356.000đ (Đã trừ hs thuộc diện có thẻ) Công văn số 5758/SGDDT-VP ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện công tác bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 Theo hướng dẫn số 236/BHXXH - QL&PTNTG ngày 12/08/2025 của BHXH Thành phố Hải Phòng V/v triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm học 2025-2026)	631 800đ/hs/năm	631 800đ/hs/năm	631 800đ/hs/năm	631 800đ/hs/năm	Thu tháng 11/2025

2	Các khoản thu dịch vụ: Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 – 2025, Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-SGD-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên sở về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi; chính thành phố Hải Phòng; Công văn số: 6126/SGDDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026, Công văn số: 462 /UBND-VHXX ngày 05/9/2025 của UBND xã quyết Thắng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;					
	2.1	Tiền học thêm theo Thông tư 29/2025/TT-BGDĐT. Theo QĐ số 146/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.				
2.2	Tiền xe: Thu 9 tháng					
	Xe đạp: 30 000 đồng/HS/tháng	270 000/HS	270 000/HS	270 000/HS	270 000/HS	Thu theo tháng (hoặc quý, học kỳ)
	Xe điện: 40 000 đồng/HS/tháng	360 000/HS	360 000/HS	360 000/HS	360 000/HS	Thu theo tháng (hoặc quý, học kỳ)
3	Các khoản thu hộ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 – 2025, Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-SGD-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên sở về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi; chính thành phố Hải Phòng; Công văn số: 6126/SGDDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026, Công văn số: 462 /UBND-VHXX ngày 05/9/2025 của UBND xã quyết Thắng V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;					

3.1	Tiền nước uống thu 9 tháng (10 000đ/HS/tháng)	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS	Tháng 11/2025 : 40 000đ Tháng 3/2026: 50 000đ
3.2	Tiền vở, vở vẽ, nhạc	214.000	214.000	214.000	214.000	Thu tháng 9/2025
3.3	Tiền đồng phục: 1 áo ngắn tay	115.000	120.000	125.000	130.000	Thu tháng 10/2025
	Tiền đồng phục: 1 áo dài tay	130.000	135.000	140.000	145.000	Thu tháng 10/2025
	Tiền đồng phục: Bộ thể thao	225.000	230.000	235.000	240.000	Thu tháng 12/2025
	Tiền đồng phục: Áo mùa đông	220.000	230.000	235.000	240.000	Thu tháng 12/2025
4	Các khoản thu theo thỏa thuận					
4.1	Quỹ Bại đại diện cha mẹ phụ huynh học sinh Kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMHS trường được vận động trên tinh thần đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh (Quỹ lớp).	35 000 000	33 500 000	36 500 000	30 000 000	Thu tháng 9,10/2025
4.2	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Trích 30% từ quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp)	11 500 000	10 000 000	12 000 000	10 000 000	Thu tháng 10,11/2025

2. Kế hoạch chi

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền	Công văn hướng dẫn chi	Ghi chú
1	Ngân sách 2025	Chi lương, các khoản đóng theo lương	100%	4.516.164.000đ	Nghị định số 61/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC	
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục. 609.532.000 đ (tiết kiệm chi 10% theo QĐ	90%	573.532.000đ		

		số 3089/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Tiên Lãng: 36.000.000 đ)			ngày 16/9/2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	
3	Quỹ Đội (Chờ văn bản hướng dẫn của cấp trên) 443HSx50 000đ =22.150.000đ	Trích nộp cấp trên Chi hoạt động Đội: Mua sắm trang bị CSVC; Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ Đội và TPT; Chi hoạt động phong trào: Đại hội Liên Đội, Chuyên đề, Đại hội cháu ngoan Bác Hồ; Chi khen thưởng.	25% 75%	5 537 500đ 16 612 500đ	Kế hoạch Liên ngành số 34KH/LN của huyện đoàn và Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng), ngày 12/9/2023. Số tiền quy đổi: 50 000 đồng/HS/năm	
4	Bảo hiểm Y tế	Tiền bảo hiểm y tế thời hạn thẻ từ 01/01/2026 đến 31/12/2026 Dự kiến đến 15/12/2025 thu xong để nộp 100% số tiền dự thu được về phòng BHXH Tiên Lãng để gia hạn thẻ năm 2026 cho học sinh (Theo năm tài chính, thẻ có giá trị 01/01/2026 đến 31/12/2026) + Mục đích tham gia: - Học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường - Nhằm giúp học sinh khám chữa bệnh, nằm điều trị tại các cơ sở y tế có bảo hiểm. - Nộp 100% về BHXH Tiên Lãng.	100%	265.356.000đ	Công văn số 5758/SGDDT-VP ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện công tác bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 Theo hướng dẫn số 236/BHXH - QL&PTNTG ngày 12/08/2025 của BHXH Thành phố Hải Phòng V/v triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm học 2025-2026)	

		- Sau đó BHXH Huyện Tiên Lãng trích lại % để chăm sóc sức khỏe ban đầu: + Bổ sung, sửa chữa trang thiết bị y tế. + Khám sức khỏe cho HS. + Mua thuốc, bông băng, cồn gạc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh tại trường.				
6	Xe đạp 250 xe x 270.000đ = 67.500.000đ Xe đạp điện 20 xe x 360.000đ = 7.200.000đ Tổng 74.700.000đ	Chi bảo vệ trông coi xe	50%	37 350 000đ	Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-SGD-STC N25/01/2024 hướng dẫn liên sở về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi; chính thành phố Hải Phòng; Căn cứ quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;	
		Chi nộp thuế: Thuế GTGT 5%; Thuế TNDN 5%	10%	7 470 000đ		
		Chi tăng cường CSVC	20%	14 940 000đ		
		Chi phúc lợi	20%	14 940 000đ		

7	Đồng phục	Thanh toán trả nhà cung cấp	100%		Theo số lượng học sinh đăng ký mua	
8	<i>Nước uống 443HS x 90.000đ = 39.870.000đ</i>	Thanh toán trả nhà cung cấp	100%	<i>39.870.000đ</i>	Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-SGD-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên sở về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi; chính thành phố Hải Phòng;	
9	Vở viết	Thanh toán trả nhà cung cấp	100%		Theo số lượng học sinh đăng ký mua	
11	<i>Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS (trích ra từ Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS lớp)</i> <i>Tổng: 43 500 000đ</i> Chi 100% cho các hoạt động của hội và khen thưởng học sinh. Thực hiện việc thu, chi theo kế hoạch tài chính của Ban	Thăm hỏi	8%	3 480 000đ	Theo quy chế chi tiêu của ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường	
		Thăm viếng	7%	3 045 000đ		
		Hội họp	15%	6 525 000đ		
		Sổ sách	2%	870 000đ		
		Tặng quà học sinh nghèo, khó khăn	10%	4 350 000đ		
		Hỗ trợ các hoạt động giáo dục	10%	4 350 000đ		
		Học sinh đi thi học sinh giỏi các cấp	10%	4 350 000đ		
		Khen thưởng học sinh giỏi các cấp	38%	16 530 000đ		

	đại diện CMHS trường do Ban đại diện CMHS quyết định. Nhà trường có trách nhiệm phối hợp theo dõi, giám sát để đảm bảo việc thu, chi của Ban đại diện CMHS được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.					
--	---	--	--	--	--	--

IV. Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất cho năm học mới

ST T	Nội dung (Ghi cụ thể)	Số lượng	Dự kiến kinh phí (Ghi rõ nguồn)				Lý do đầu tư	Thời gian thực hiện (Dự kiến)
			Nguồn			Tổng tiền hàng ngang (ĐV: đồng)		
			Học phí	Ngân sách	Nguồn khác			
1	Sửa chữa đường điện, Bảo dưỡng quạt điện	Dây 100m; công tắc; công lắp đặt		x	x	3 000 000	Hồng	30/8/2025
2	Công lắp đặt quạt trần, quạt treo tường	2		x	x	1 100 000	Hồng	30/8/2025
3	Lắp đặt bóng đèn	17		x	x	2 500 000	Hồng	30/8/2025
4	Sửa chữa bàn ghế, mua đinh vít	Đinh vít, công lắp đặt		x	x	1 500 000	Hồng	30/8/2025
5	Sửa chữa cửa nhôm kính, khóa	Đinh vít, công lắp đặt 05 khóa		x	x	1 500 000	Hồng	30/8/2025
6	Sửa chữa lắp đặt wifi, phòng máy tính	Thiết bị của máy hồng, công lắp đặt,		x	x	6 000 000	Hồng	04/9/2025

		cài lại máy						
7	Mua sắm thiết bị đồ dùng dạy học	Danh mục kèm theo		x	x	20 000 000	Thiếu, hỏng	15/9/2025
8	Mua sắm sách tham khảo, tài liệu học tập	Danh mục kèm theo		x	x	8 500 000	Thiếu	15/9/2025
9	Mua sắm pano, appic, cờ, khẩu hiệu, phong chữ	Cờ 02 bộ (cờ sao vàng, cờ chuỗi..), 05 khẩu hiệu, 03 phong chữ		x	x	8 500 000	Hỏng	30/8/2025
10	Cắt tỉa cây, dọn vệ sinh huôn viên nhà trường	Xung quanh trường vào đầu năm học		x	x	2 500 000	Phát triển tự nhiên	30/8/2025
11	Hợp đồng phần mềm Internet	5				8 500 000	Hàng năm	30/9/2025
Tổng								

VI. Công việc triển khai cụ thể

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện		Người lên dự trù	Người duyệt	Người phối hợp
		Bắt đầu	Hoàn thành			
1	Sửa chữa đường điện, Bảo dưỡng quạt điện	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
2	Công lắp đặt quạt trần, quạt treo tường	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
3	Lắp đặt bóng đèn	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
4	Sửa chữa bàn ghế, mua đinh vít	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
5	Sửa chữa cửa nhôm kính, khóa	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
6	Sửa chữa lắp đặt wifi, phòng máy tính	30/7/2025	04/9/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng

7	Mua sắm thiết bị đồ dùng dạy học	30/7/2025	15/9/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
8	Mua sắm sách tham khảo, tài liệu học tập	30/7/2025	15/9/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
9	Mua sắm pano, appic, cờ, khẩu hiệu, phong chữ	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
10	Cắt tỉa cây, dọn vệ sinh huân viên nhà trường	30/7/2025	30/8/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng
11	Hợp đồng phần mềm Internet	30/7/2025	30/9/2025	Kế toán	Hiệu trưởng	Thủ quỹ; Phó Hiệu trưởng

Trên đây là Kế hoạch tài chính của nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026, đề nghị tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt kế hoạch đề ra nhằm sử dụng tài chính nhà trường đạt hiệu quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- UBND xã (báo cáo);
- Hội đồng nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hân

